

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 06/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 28/5/2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Đôn

2. Bà Vũ Thị Thu Ngát

- Thư ký phiên tòa: Bà L Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên

Ngày 28/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2020 về việc “*ly hôn, nuôi con chung*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2020 giữa các đ. sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nơi tạm trú: số 98, Hà Huy T, Y, G, Hà Nội.

+ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân D, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân D vào ngày 26/12/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, mỗi người một quan điểm trong làm ăn và cách nuôi dạy con. Vì vậy vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thái D sinh ngày 27/9/2015 hiện nay con đang ở với anh D và ông, bà nội là Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn Th khi ly hôn chị T xin nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ. Chị T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai của anh Nguyễn Xuân D trình bày: Việc kết hôn như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng từ tháng 4/ 2019 do tính cách không hợp nhau, trong cư xử và nuôi dạy con mỗi người một quan điểm, chị T không quan tâm đến anh và không cho anh gần gũi, tỏ ý coi thường anh. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ 6/2019 đến nay. Nay chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Từ khi cháu D được 2 tuổi năm 2017, vợ chồng anh gửi cháu về cho ông bà nội là ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T1 ở Đ, Y chăm sóc, hiện nay cháu vẫn ở với ông bà và anh, cháu được gia đình anh cho đi học mẫu giáo, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Nay cháu đang ở ổn định với anh và bố mẹ anh nên khi ly hôn anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết.

*** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:**

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân D.

- Về con chung; Giao con chung là Nguyễn Thái D, sinh ngày 27/9/2015 cho anh Nguyễn Xuân D trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm non con chung không ai được cản trở các bên thực hiện quyền này.

- Về tài sản, công nợ: Chị T, anh D xác định không có nên không xem xét.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Phạm Thị T và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình “Xin ly hôn, nuôi con”.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân D có địa chỉ xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Phạm Thị T kết hôn cùng anh Nguyễn Xuân D trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/12/2014 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D không tin tưởng chị T và nghi ngờ chị T có quan hệ nam nữ bất chính với người khác vì vậy vợ chồng thường xảy cãi vã, không tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ 6/2019 đến nay. Tại phiên tòa cả chị T, anh D đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được cả hai bên đều nhất trí ly hôn. Căn cứ điều 55 luật hôn nhân gia đình. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn X D.

Về con chung: Vợ chồng chị T, anh D có 01 con chung là Nguyễn Thái D, sinh ngày 27/9/2015. Nay ly hôn cả chị T và anh D đều có nguyện vọng được nuôi con. Về điều kiện nuôi con. Chị T làm tiếp Spa, anh D làm sắt cả hai đều có công việc làm ổn định, thu nhập bình q từ 10 đến 12.000.000đ/tháng. Xong hiện tại cả hai đều chưa có nhà ở riêng. Anh D hàng tuần vẫn về thăm con vào các ngày nghỉ, còn chị T do đặc thù công việc làm từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối mới nghỉ nên ít về thăm con hơn. Cháu D chủ yếu ở với ông bà nội là ông Th, bà T1. Xét thấy từ khi cháu D được 2 tuổi (năm 2017) cháu đã được chị T, anh D gửi về cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng từ đó đến nay cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường. Qua xác minh tại địa phương như trường học của cháu thì được biết cháu được anh D, bà Thọ chăm sóc chu đáo, được cho ăn học và phát triển khỏe mạnh, bình thường. Do vậy xét thấy không cần thiết xáo trộn cuộc sống của cháu vì vậy cần giao cháu Nguyễn Thái D cho anh D có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi của con. Mặc dù chị T không trực tiếp nuôi con nhưng chị T có quyền thăm non con chung không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Nếu sau này anh D nuôi con không đảm bảo chị T

có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con anh D không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, công nợ. chị T, anh D không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn.

Về quyền kháng cáo: Các đ sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55, Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Xuân D.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thái D, sinh ngày 27/9/2015. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung, không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

Về tiền án phí: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0004626, ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí

Đ sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Công thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đ. sự;
- Lưu HS./.

-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đ s; ;
- Lưu HS./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Luyện